

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày

tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 08/3/2022

(Từ 17h00 ngày 07/3/2022 đến 17h00 ngày 08/3/2022)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Nơi phát hiện					Tích lũy ca mắc	DTTS	Xuất viện	Tử vong
			Cộng đồng	CL tại nhà	Khu cách ly	Khu PT	Sàng lọc				
1	TP.BMT	1081*	1062	19	0	0	0	22294	2957	13865	42
2	H. Lắk	112	44	66	0	0	2	2368	1404	1589	8
3	H. Krông Bông	107	84	23	0	0	0	1901	628	883	4
4	H. Krông Buk	82	15	64	0	0	3	2047	1189	1468	8
5	H. Ea H'Leo	91	70	21	0	0	0	2220	486	890	2
6	H. Krông Pắc	231	195	31	0	0	5	3656	613	1007	8
7	H. Krông Ana	133	104	29	0	0	0	2552	776	1399	6
8	H. Cư M'Gar	334	232	102	0	0	0	4877	1792	2011	13
9	H. Ea Súp	94	66	28	0	0	0	1454	367	624	2
10	H. M'Đrăk	146	56	89	0	0	1	1690	732	689	0
11	H. Krông Năng	186	126	59	1	0	0	2337	576	525	5
12	H. Ea Kar	169	164	5	0	0	0	3201	778	1257	3
13	H. Buôn Đôn	113	108	5	0	0	0	1754	471	445	1
14	H. Cư Kuin	123	115	8	0	0	0	2606	772	1614	12
15	TX. Buôn Hồ	114	48	66	0	0	0	3220	863	1656	19
	TỔNG	3116	2489	615	1	0	11	58177	14404	29922	133

* Điều chỉnh giảm 64BN TP BMT (Trùng tên)

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã ghi nhận **58.177** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **29.922** trường hợp xuất viện, **133** trường hợp tử vong, hiện còn điều trị **28.122** trường hợp.

- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **24,8%** số ca mắc

- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **3112,2/100.000** dân

- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly*	Mới	Tích lũy	Còn cách ly*
1	TP.BMT	0	243	0	1110	19224	5890
2	TX. Buôn Hồ	0	108	0	-	5687	970
3	H. Ea H'Leo	33	49	33	63	2684	211
4	H. Krông Năng	0	0	0	181	3918	1150
5	H. Cư M'Gar	0	851	0	3	5112	429
6	H. M'Đrăk	8	864	60	138	4719	105
7	H. Ea Kar	0	830	0	187	7467	792
8	H. Krông Pắc	2	181	2	202	6177	1558
9	H. Krông Bông	5	70	38	107	10590	837
10	H. Krông Ana	0	17	0	-	2662	1135
11	H. Cư Kuin	0	0	0	101	2886	883
12	H. Lắk	0	583	30	112	2318	646
13	H. Buôn Đôn	15	415	129	122	4596	1082
14	H. Ea Sup	0	0	0	37	4247	153
15	H. Krông Buk	0	0	0	-	3245	344
TỔNG		63	4211	292	2363	85532	16185

B) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện/TX/TP (từ 01/01/2022)

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Cộng dồn
1	TP.BMT	0	0	3232
2	TX. Buôn Hồ	2	-	5483
3	H. Ea H'Leo	0	0	4505
4	H. Krông Năng	177	181	3763
5	H. Cư M'Gar	0	0	4389
6	H. M'Đrăk	0	0	1527
7	H. Ea Kar	8	7	11617
8	H. Krông Pắc	456	406	32374
9	H. Krông Bông	0	0	5608
10	H. Krông Ana	0	-	280
11	H. Cư Kuin	0	0	614
12	H. Lắk	0	0	648
13	H. Buôn Đôn	0	0	2137
14	H. Ea Sup	0	0	566
15	H. Krông Buk	0	-	220
TỔNG		643	594	76963

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	269	11	4704	85	0	0	1035	31	0
2	TP.BMT	-	-	41293	17970	0	0	21	16	0
3	TX. Buôn Hồ	-	-	7033	1659	0	0	5	0	0
4	H. EaH'Leo	129	50	15997	1034	0	0	0	0	0
5	H.Krông Năng	428	372	7123	3946	0	0	0	0	0
6	H. Cư M'Gar	492	433	14678	3405	0	0	1	1	0
7	H. M'Đrăk	112	146	14212	1533	0	0	0	0	0
8	H. Ea Kar	111	111	11338	2342	0	0	0	0	0
9	H. Krông Pắc	185	185	17341	2898	0	0	0	0	0
10	H.Krông Bông	156	98	10680	1928	0	0	0	0	0
11	H. Krông Ana	-	-	6531	1540	0	0	0	0	0
12	H. Cư Kuin	93	85	2659	1305	0	0	3	2	0
13	H. Lắk	140	112	3533	1737	0	0	33	26	0
14	H. Buôn Đôn	108	113	10319	1539	0	0	113	6	0
15	H. Ea Sup	94	94	16546	1146	0	0	37	37	0
16	H. Krông Buk	-	-	2265	928	0	0	0	0	0
TỔNG		2317	1810	186252	44995	0	0	1248	119	0

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19

a) Tổng số vắc xin đã nhận

	Loại vắc xin	Vắc xin nhận	Số mũi tiêm thực hiện	Tỷ lệ (%)
	TỔNG	3.351.518	3.441.128	102,7
1	AstraZeneca	945.030	978.624	103,6
2	Comirnaty	1.169.358	1.235.322	105,6
3	Moderna	176.890	160.955	91,0
4	Sinopharm	1.060.240	1.066.227	100,6

b) Kết quả tiêm vắc xin như sau:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Mũi 1		Mũi 2		Mũi 3	
			Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)
1	18 tuổi trở lên	1.267.929	1.238.887	97,7	1.196.987	94,4	682.558	53,8
2	50 tuổi trở lên	361.984	353.653	97,7	343.536	94,9	117.770	32,5
3	65 tuổi trở lên	103.549	103.001	99,5	97.367	94,0	54.842	53,0
4	PNCT từ 13 tuần tuổi thai	22.934	22.669	98,8	21.612	94,2	6.175	26,9
5	TE 15-17 tuổi	80.616	78.512	97,4	72.674	90,1		
6	TE 12-14 tuổi	105.147	99.549	94,7	91.484	87,0		

5. Công tác điều trị trong ngày

Tổng số bệnh nhân COVID-19: **58.177** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **29.922** trường hợp xuất viện, **133** trường hợp tử vong, hiện còn điều trị **28.122** trường hợp.

a) Tại các cơ sở thu dung điều trị:

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	188	188	42	1	1	40	0
2	TTYT Krông Búk	230	152	121	6	0	0	37	0
3	BV khu vực 333	300	20	26	13	0	0	7	0
4	BV Lao và Bệnh Phổi	100	121	114	8	0	0	13	0
5	BVĐK Vùng TN	230	198	189	28	0	12	26	0
	Tổng	1860	679	638	97	1	13	123	0

- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n = 638)

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch			
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác
1	BV Dã chiến 01	37	151	0	0	0	0	0	0
2	TTYT Krông Búk	73	48	0	0	0	0	0	0
3	BV khu vực 333	4	20	2	0	0	0	0	0
4	BV Lao	0	0	101	13	0	0	0	0
5	BVĐK Vùng TN	5	68	51	62	3	0	0	0
	Tổng	119	287	154	75	3	0	0	0
	Tỷ lệ %	26.4	63.8	34.2	16.7	0.7	0.0	0.0	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n= 638)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	188	0	0	0	0	0
2	TTYT Krông Búk	121	0	0	0	0	0
3	BV khu vực 333	26	0	0	0	0	0
4	BV Lao	101	13	0	0	0	0
5	BVĐK Vùng TN	125	47	13	1	3	0
	Cộng	561	60	13	1	3	0
	Tỷ lệ %	87.9	9.4	2.0	0.2	0.5	0.0

b) Điều trị F0 tại nhà: mới **2.950** trường hợp, tích lũy **38138** trường hợp, 14.257 trường hợp khỏi bệnh, chuyển tuyến 180 trường hợp, hiện còn điều trị **23.701** trường hợp.

	Địa phương	Mới	Tích lũy	Khỏi bệnh	Tích lũy khỏi bệnh	Chuyển tuyến trong ngày	Tích lũy chuyển tuyến	Còn điều trị
1	TP. BMT	1404	19500	999	8637	10	53	10810
2	H. Lăk	104	1467	0	800	0	0	667
3	H. Krông Bông	-	54	-	0	-	0	54
4	H. Krông Buk	65	473	10	13	4	4	456
5	H. Ea H'leo	86	1549	96	458	0	0	1091
6	H. Krông Pắc	179	2413	168	1004	0	4	1405
7	H. Krông Ana	-	1109	-	274	-	82	753
8	H. Cư M'gar	283	2373	143	670	0	2	1701
9	H. Ea Sup	94	787	47	103	0	0	684
10	H. M'Drak	138	752	50	50	0	0	702
11	Krông Năng	183	1808	63	530	0	2	1276
12	H. Ea Kar	169	1691	145	292	0	0	1399
13	H. Buôn Đôn	-	1059	-	364	-	7	688
14	H. Cư Kuin	131	1572	69	462	0	0	1110
15	Tx Buôn Hồ	114	1531	71	600	4	26	905
	Tổng	2950	38138	1861	14257	18	180	23701

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều **167** nhân lực/ tổng **1.330** lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (*Chi tiết tại phụ lục*).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử về dịch COVID-19 Đắk Lắk (<https://ncov.daklak.gov.vn>);
- Đài phát thanh – truyền hình tỉnh;
- Báo Đắk Lắk;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ
(Từ 01/01/2022 đến nay)

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	Điều dưỡng/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên, sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2									2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên								11	1	12	21
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	22	34	3	6	5	2		6	10	88	268
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk										0	76
5	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh							5			5	36
6	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột							10	17		27	618
7	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2									2	202
8	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	1	8	8					4		21	75
9	Khu cách ly Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên	4	6								10	10
TỔNG CỘNG		31	48	11	6	5	2	15	38	11	167	1330

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	Điều dưỡng/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên, sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	31	48	11	6	5	2	0	0	11	114	788
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	6	1	1	3	1				3	15	84
1.3	BVĐK BMT	11	16	1	0	2	1			7	38	99
1.4	CDC	4		8						1	13	41
1.5	TTYT huyện Buôn Đôn	2	3								5	28
1.6	Bệnh viện Y học cổ truyền		2			1					3	82
1.7	TTYT huyện Cư M'gar		4								4	58
1.8	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm				3						3	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	1	1								2	10
1.10	TTYT huyện Lắk	1	4								5	25
1.11	TTYT huyện Krông Pắc										0	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	1	1								2	19
1.13	TTYT huyện Krông Búk										0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	11
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		1								1	25
1.16	Bệnh viện Tâm thần		4			1					5	18
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2								3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng		2								2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	1									1	23
1.20	TTYT huyện M'Drăk		2	1							3	8
1.21	TTYT huyện Krông Ana		1								1	3
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2									2	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin										0	47
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		4								4	80
2	Bệnh viện tư nhân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
2.1	Bệnh viện Nhi Đức Tâm										0	2
3	Trường Đại học, Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	15	0	0	15	345
3.1	Trường Đại học Tây Nguyên							15			15	345
4	Tình nguyện viên								38		38	110
TỔNG CỘNG		31	48	11	6	5	2	15	38	11	167	1245